|  |  |
| --- | --- |
| HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**HỘI CCB TỈNH ĐẮK LẮK**Số: 353/HD-CCB | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đắk Lắk, ngày 14 tháng 8 năm 2025*  |

**HƯỚNG DẪN**

**Công tác Thi đua, khen thưởng đối với Hội Cựu chiến binh các cấp**

**trong tỉnh sau khi thực hiện đơn vị hành chính địa phương 2 cấp**

Căn cứ Quy định số 301-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương “về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã”;

Căn cứ Hướng dẫn số 11-HD/CCB, ngày 01/7/2025 của Trung ương Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam về “Hướng dẫn công tác Thi đua, khen thưởng trong Hội Cựu chiến binh Việt Nam sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp”, Hội CCB tỉnh hướng dẫn thực hiện như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

 **1. Mục đích**

 - Thống nhất trong tổ chức Hội CCB tỉnh về hoạt động Thi đua, khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; tổ chức cụm thi đua cấp xã; quản lý các hiện vật về các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và công tác khen thưởng năm 2025.

 - Tiếp tục tuyên truyền cổ vũ, động viên, nhân rộng điển hình tiên tiến (tập thể, cá nhân, hộ gia đình hội viên CCB) các mô hình, sáng kiến, giải pháp sáng tạo, cách làm hiệu quả trong thực hiện phong trào thi đua “ Cựu chiến binh gương mẫu”.

 **2. Yêu cầu**

Các cấp Hội chủ động tích cực triển khai không để hoạt động công tác thi đua, khen thưởng gián đoạn.

II. NỘI DUNG

1. Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, cụm thi đua các cấp

1.1. Đối với Hội Cựu chiến binh tỉnh

 - Chủ tịch Hội CCB tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội CCB tỉnh, số lượng, thành phần do Thường trực Hội CCB tỉnh quyết định.

 - Thành lập các cụm thi đua cấp xã, số lượng cụm thi đua và số đơn vị trong cụm thi đua căn cứ điều kiện kinh tế, xã hội, khoảng cách địa lý các xã, phường để thuận lợi cho việc trao đổi, học tập kinh nghiệm và kiểm tra kết quả công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thành viên.

 *1.2. Đối với Hội Cựu chiến binh cấp xã*

 - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh các xã, phường, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thống nhất trong Ban Thường vụ Hội CCB ban hành quyết định thành lập hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã, số lượng 05 thành viên; thành phần do chủ tịch Hội CCB các xã, phường quyết định.

 - Thành lập cụm thi đua chi hội CCB thôn, buôn, tổ dân phố thuộc quyền; số lượng đơn vị trong cụm thi đua do Hội CCB xã, (phường) xem xét, nhưng phải phù hợp với đặc điểm địa bàn khu dân cư; thuận lợi cho việc đi lại khi kiểm tra, giao ban thi đua cụm.

**2. Quản lý hồ sơ khen thưởng, vật chất danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trước khi sáp nhập.**

*2.1. Đối với Hội Cựu chiến bỉnh tỉnh*

Hội Cựu chiến binh tỉnh có trách nhiệm kiểm kê các loại hiện vật gắn với các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của Hội CCB tỉnh Phú Yên đã được tặng thưởng để thống nhất quản lý.

*2.2. Đối với Hội CCB các xã, phường*

Hội CCB các xã, phường có trách nhiệm thống kê hồ sơ, các loại hiện vật thuộc các danh hiệu thi đua (Cờ thi đua - nếu có) và các hình thức khen thưởng (huân chương, huy chương các loại, bằng khen, giấy khen…) của các cấp đã được tặng thưởng để quản lý.

3. Điều chỉnh chỉ tiêu khen thưởng năm 2025

*3.1. Đối với các cụm thi đua*

Căn cứ Quyết định số /QĐ – CCB, ngày /8/2025 của Hội CCB tỉnh về việc thành lập Cụm thi đua cấp xã, Hội CCB tỉnh phân bổ chỉ tiêu tặng Bằng khen cho các cụm thi đua năm 2025 như sau:

- Mỗi cụm thi đua đề nghị tặng 03 Bằng khen đối với tập thể và cá nhân, trong đó, đề nghị Chủ tịch Hội CCB Việt Nam tặng 01 Bằng khen đơn vị nhất cụm, đề nghị Chủ tịch Hội CCB tỉnh tặng 01 Bằng khen đơn vị nhì cụm và 01 Bằng khen tặng Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội CCB xã, phường đứng nhất cụm.

*3.2. Đối với các đơn vị*

Căn cứ số lượng cán bộ, hội viên của các đơn vị, Hội CCB tỉnh phân bổ chỉ tiêu tặng Bằng khen của Chủ tịch Hội CCB tỉnh cho các tập thể và cá nhân. Hội CCB cấp xã có dưới 1.000 hội viên đề nghị 01 Bằng khen; từ 1.000 hội viên đến dưới 2.000 hội viên đề nghị 02 Bằng khen; từ 2.000 hội viên đến dưới 3.000 hội viên đề nghị 03 Bằng khen. Số lượng hội viên căn cứ vào số liệu báo cáo trước năm thi đua của các đơn vị (phụ lục kèm theo).

Nội dung, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với tập thể và cá nhân thực hiện theo Hướng dẫn số 284/HD-CCB, ngày 20/12/2024 của Hội CCB tỉnh Đắk Lắk (cũ) và hướng dẫn của Hội CCB tỉnh Phú Yên về công tác thi đua, khen thưởng năm 2025. Hội Cựu chiến binh các xã, phường, Trường Đại học Tây Nguyên, cụm trưởng các cụm thi đua xác định thời gian tổng kết và báo cáo đề nghị khen thưởng về Hội CCB tỉnh chậm nhất ngày 20/ll/2025.

**4. Phân công đơn vị cụm trưởng, cụm phó các cụm thi đua năm 2025**

- **Cụm 1**: Cụm trưởng: Hội CCB phường Tuy Hòa, Cụm phó: Hội CCB phường Sông Cầu.

- **Cụm 2**: Cụm trưởng: Hội CCB xã Sơn Hòa, Cụm phó: Hội CCB xã Phú Hòa 1.

- **Cụm 3**: Cụm trưởng: Hội CCB xã Ô Loan, Cụm phó: Hội CCB xã Đồng Xuân.

- **Cụm 4**: Cụm trưởng: Hội CCB xã M’Drắk, Cụm phó: Hội CCB xã Sông Hinh.

- **Cụm 5**: Cụm trưởng: Hội CCB xã Ea Kar, Cụm phó: Hội CCB xã Krông Năng.

- **Cụm 6**: Cụm trưởng: Hội CCB xã Krông Pắc, Cụm phó: Hội CCB xã Krông Ana.

- **Cụm 7**: Cụm trưởng: Hội CCB Pơng Drang, Cụm phó: Hội CCB xã Ea Drăng.

- **Cụm 8**: Cụm trưởng: Hội CCB phường Buôn Ma Thuột, Cụm phó: Hội CCB xã Cuôr Đăng.

- **Cụm 9**: Cụm trưởng: Hội CCB xã Liên Sơn Lắk, Cụm phó: Hội CCB xã Krông Bông.

- **Cụm 10**: Cụm trưởng: Hội CCB xã Ea Súp, Cụm phó: Hội CCB xã Ea Nuôl.

Nhiệm vụ của đơn vị cụm trưởng, cụm phó và các đơn vị thành viên thực hiện theo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Hội CCB tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hội CCB các xã, phường căn cứ Hướng dẫn này ban hành các quyết định thành lập hội đồng Thi đua - Khen thưởng; thành lập các cụm thi đua thôn, buôn, tổ dân phố; quy chế công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng bản điểm thi đua hằng năm và các nội dung có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc.

5.2. Ban Công tác Cựu chiến binh tỉnh dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Hội CCB tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế, trình Ban Thường vụ Hội CCB tỉnh quyết định ban hành, thời gian hoàn thành trong tháng 8/2025.

5.3. Các đơn vị cụm trưởng, cụm phó được phân công chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình và triển khai thực hiện bảo đảm công tác thi đua, khen thưởng không bị gián đoạn.

Trên đây là Hướng dẫn công tác Thi đua, khen thưởng đối với Hội Cựu chiến binh các cấp sau khi thực hiện đơn vị hành chính địa phương 2 cấp, nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Hội CCB tỉnh *(qua Ban Công tác Cựu chiến binh - đồng chí Hoàng Văn Huấn, Phó ban, ĐT: 0982.869.769*)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban TG, CTXH, Mặt trận TQVN tỉnh (P/hợp);- Thường trực Hội CCB tỉnh (chỉ đạo);- Ban Công tác CCB (thực hiện)- Hội CCB cấp xã- Lưu VT, Hội đồng TĐ-KT (Hu111b) |  **CHỦ TỊCH****(Đã ký)** **Trần Minh Từ**  |

**PHỤ LỤC**

**Chỉ tiêu tặng Bằng khen của Chủ tịch Hội CCB tỉnh đối với Hội CCB cấp xã năm 2025**

(Kèm theo Hướng dẫn số *353*/HD-CCB ngày 14/8/2025)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **CHI HỘI** | **HỘI VIÊN** | **SỐ BẰNG KHEN** |
| 1 | Hội CCB phường Phú Yên | 22 | 660 | 01 |
| 2 | Hội CCB phường Tuy Hòa | 62 | 1.244 | 02 |
| 3 | Hội CCB phường Bình Kiến | 23 | 524 | 01 |
| 4 | Hội CCB phường Xuân Đài | 11 | 151 | 01 |
| 5 | Hội CCB phường Sông Cầu | 18 | 392 | 01 |
| 6 | Hội CCB phường Đông Hòa | 16 | 547 | 01 |
| 7 | Hội CCB phường Hòa Hiệp. | 14 | 663 | 01 |
| 8 | Hội CCB xã Xuân Thọ | 10 | 180 | 01 |
| 9 | Hội CCB xã Xuân Cảnh | 11 | 259 | 01 |
| 10 | Hội CCB xã Xuân Lộc | 12 | 225 | 01 |
| 11 | Hội CCB xã Phú Hòa 1  | 17 | 558 | 01 |
| 12 | Hội CCB xã Phú Hòa 2 | 15 | 372 | 01 |
| 13 | Hội CCB xã Hòa Thịnh | 17 | 438 | 01 |
| 14 | Hội CCB xã Hòa Mỹ | 14 | 453 | 01 |
| 15 | Hội CCB xã Tây Hòa | 21 | 852 | 01 |
| 16 | Hội CCB xã Sơn Thành | 19 | 500 | 01 |
| 17 | Hội CCB xã Sơn Hòa | 26 | 1.100 | 02 |
| 18 | Hội CCB xã Vân Hòa | 11 | 301 | 01 |
| 19 | Hội CCB xã Tây Sơn | 20 | 342 | 01 |
| 20 | Hội CCB xã Suối Trai | 15 | 292 | 01 |
| 21 | Hội CCB xã Hòa Xuân | 14 | 296 | 01 |
| 22 | Hội CCB xã Xuân Lãnh | 13 | 296 | 01 |
| 23 | Hội CCB xã Phú Mỡ | 10 | 328 | 01 |
| 24 | Hội CCB xã Xuân Phước | 9 | 543 | 01 |
| 25 | Hội CCB xã Đồng Xuân | 21 | 941 | 01 |
| 26 | Hội CCB xã Tuy An Bắc | 20 | 406 | 01 |
| 27 | Hội CCB xã Tuy An Đông | 14 | 482 | 01 |
| 28 | Hội CCB xã Tuy An Nam | 13 | 345 | 01 |
| 29 | Hội CCB xã Tuy An Tây | 16 | 284 | 01 |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **CHI HỘI** | **HỘI VIÊN** | **SỐ BẰNG KHEN** |
| 30 | Hội CCB xã Ô Loan | 25 | 510 | 01 |
| 31 | Hội CCB xã Ea Bá | 11 | 246 | 01 |
| 32 | Hội CCB xã Đức Bình | 18 | 400 | 01 |
| 33 | Hội CCB xã Sông Hinh | 26 | 572 | 01 |
| 34 | Hội CCB xã Ea Ly | 11 | 183 | 01 |
| 35 | Hội CCB xã M’Drắk | 32 | 631 | 01 |
| 36 | Hội CCB xã Ea Riêng | 24 | 774 | 01 |
| 37 | Hội CCB xã Cư M’ta | 16 | 388 | 01 |
| 38 | Hội CCB xã Krông Á | 13 | 197 | 01 |
| 39 | Hội CCB xã Cư Prao | 20 | 470 | 01 |
| 40 | Hội CCB xã Ea Trang | 9 | 126 | 01 |
| 41 | Hội CCB xã Krông Năng | 40 | 872 | 01 |
| 42 | Hội CCB xã Dliê Ya | 57 | 1.342 | 02 |
| 43 | Hội CCB xã Phú Xuân | 45 | 1.060 | 02 |
| 44 | Hội CCB xã Tam Giang | 33 | 721 | 01 |
| 45 | Hội CCB xã Ea Drông | 27 | 390 | 01 |
| 46 | Hội CCB xã Ea Ô | 30 | 682 | 01 |
| 47 | Hội CCB xã Ea Knốp | 45 | 1.377 | 02 |
| 48 | Hội CCB xã Cư Yang | 24 | 505 | 01 |
| 49 | Hội CCB xã Ea Păl | 21 | 438 | 01 |
| 50 | Hội CCB xã Ea Kar | 98 | 3.195 | 04 |
| 51 | Hội CCB xã Krông Pắc | 58 | 1.147 | 02 |
| 52 | Hội CCB xã Tân Tiến | 25 | 392 | 01 |
| 53 | Hội CCB xã Vụ Bổn | 18 | 566 | 01 |
| 54 | Hội CCB xã Ea Phê | 52 | 820 | 01 |
| 55 | Hội CCB xã Ea Kly | 48 | 1.504 | 02 |
| 56 | Hội CCB xã Ea Ning | 32 | 1.134 | 02 |
| 57 | Hội CCB xã Dray Bhăng | 29 | 466 | 01 |
| 58 | Hội CCB xã Ea Ktur | 44 | 1.225 | 02 |
| 59 | Hội CCB xã Krông Ana | 26 | 964 | 01 |
| 60 | Hội CCB xã Dur Kmăl | 13 | 338 | 01 |
| 61 | Hội CCB xã Ea Na | 30 | 860 | 01 |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **CHI HỘI** | **HỘI VIÊN** | **SỐ BẰNG KHEN** |
| 62 | Hội CCB xã Cư Pơng | 24 | 285 | 01 |
| 63 | Hội CCB xã Pơng Drang | 34 | 769 | 01 |
| 64 | Hội CCB xã Krông Búk | 33 | 713 | 01 |
| 65 | Hội CCB xã Ea Khăl | 39 | 717 | 01 |
| 66 | Hội CCB xã Ea H’leo | 14 | 177 | 01 |
| 67 | Hội CCB xã Ea Drăng | 46 | 1.012 | 02 |
| 68 | Hội CCB xã Ea Wy | 36 | 716 | 01 |
| 69 | Hội CCB xã Ea Hiao | 39 | 616 | 01 |
| 70 | Hội CCB xã Cư M’gar | 26 | 638 | 01 |
| 71 | Hội CCB xã Ea Tul | 35 | 779 | 01 |
| 72 | Hội CCB xã Quảng Phú | 37 | 982 | 01 |
| 73 | Hội CCB phường Buôn Ma Thuột | 81 | 2.462 | 03 |
| 74 | Hội CCB phường Tân An | 31 | 1.344 | 02 |
| 75 | Hội CCB phường Tân Lập | 33 | 1.286 | 02 |
| 76 | Hội CCB phường Thành Nhất | 24 | 839 | 01 |
| 77 | Hội CCB phường Ea Kao | 25 | 1.340 | 02 |
| 78 | Hội CCB phường Buôn Hồ  | 44 | 995 | 01 |
| 79 | Hội CCB phường Cư Bao | 44 | 551 | 01 |
| 80 | Hội CCB xã Hòa Phú | 43 | 582 | 01 |
| 81 | Hội CCB xã Cuôr Đăng | 19 | 470 | 01 |
| 82 | Hội CCB xã Ea Knuếc | 46 | 991 | 01 |
| 83 | Hội CCB xã Liên Sơn Lắk  | 31 | 415 | 01 |
| 84 | Hội CCB xã Đắk Liêng | 38 | 887 | 01 |
| 85 | Hội CCB xã Nam Ka | 8 | 117 | 01 |
| 86 | Hội CCB xã Krông Nô | 13 | 162 | 01 |
| 87 | Hội CCB xã Đắk Phơi | 19 | 271 | 01 |
| 88 | Hội CCB xã Hòa Sơn | 31 | 371 | 01 |
| 89 | Hội CCB xã Dang Kang | 28 | 373 | 01 |
| 90 | Hội CCB xã Krông Bông | 28 | 498 | 01 |
| 91 | Hội CCB xã Yang Mao | 17 | 290 | 01 |
| 92 | Hội CCB xã Cư Pui | 25 | 278 | 01 |
| 93 | Hội CCB xã Ea Súp | 42 | 610 | 01 |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **CHI HỘI** | **HỘI VIÊN** | **SỐ BẰNG KHEN** |
| 94 | Hội CCB xã Ea Rốk | 32 | 689 | 01 |
| 95 | Hội CCB xã Ea Bung | 12 | 350 | 01 |
| 96 | Hội CCB xã Ia Lốp | 12 | 176 | 01 |
| 97 | Hội CCB xã Ia Rvê | 12 | 251 | 01 |
| 98 | Hội CCB xã Ea Wer | 33 | 841 | 01 |
| 99 | Hội CCB xã Ea Nuôl | 45 | 926 | 01 |
| 100 | Hội CCB xã Buôn Đôn | 9 | 159 | 01 |
| 101 | Hội CCB xã Ea Kiết | 24 | 598 | 01 |
| 102 | Hội CCB xã Ea M’Droh | 30 | 640 | 01 |
| 103 | Hội CCB Trường Đại học Tây Nguyên |  | 12 | 01 |
| **Tổng số** | **2.746** | **65.647** | **121** |